

Họ, tên thí sinh:.....Số báo danh:Lớp.....

I. Trắc Nghiệm (7đ)

Câu 1: Các vành đai động đất, núi lửa thường nằm ở

- A. vùng tiếp xúc giữa các mảng kiến tạo.
- B. trung tâm các mảng kiến tạo.
- C. rìa các mảng kiến tạo.
- D. tất cả mọi nơi.

Câu 2: Theo nguồn gốc, đá được phân chia thành ba nhóm là

- A. đá gơnai, đá hoa, đá phiến.
- B. macma, granit, badan.
- C. macma, trầm tích, biến chất.
- D. trầm tích, granit, badan.

Câu 3: Chất khí chiếm tỉ lệ lớn nhất trong không khí là

- A. Nitơ.
- B. Ô xi.
- C. Hơi nước.
- D. Cacbonic.

Câu 4: Để thể hiện sự phân bố dân cư, phương pháp nào sau đây đúng nhất?

- A. Kí hiệu.
- B. Chấm điểm.
- C. Đường chuyển động.
- D. Bản đồ - biểu đồ.

Câu 5: Vận động nội lực theo phương nằm ngang thường

- A. xảy ra chậm và trên một diện tích lớn.
- B. vẫn tiếp tục xảy ra ở nhiều nơi hiện nay.
- C. làm cho lục địa nâng lên hay hạ xuống.
- D. gây ra các hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.

Câu 6: Tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất **không** dẫn đến hiện tượng nào sau đây?

- A. Nâng lên, hạ xuống.
- B. Biển tiến và biển thoái.
- C. Bão, lụt và hạn hán.
- D. Uốn nếp hoặc đứt gãy.

Câu 7: Khối khí chí tuyến có tính chất nào sau đây?

- A. Lạnh.
- B. Rất nóng.
- C. Rất lạnh.
- D. Nóng ẩm.

Câu 8: Các sống núi ngầm giữa đại dương được sinh ra do

- A. các mảng kiến tạo xô vào nhau.
- B. các mảng kiến tạo tách rời nhau.
- C. các mảng kiến tạo hút chồm lên nhau.
- D. các mảng kiến tạo không di chuyển.

Câu 9: Vỏ Trái Đất và phần trên của lớp Manti được cấu tạo bởi các loại đá khác nhau, còn được gọi là

- A. sinh quyển.
- B. thủy quyển.
- C. thạch quyển.
- D. khí quyển.

Câu 10: Thiết bị nào sau đây bay quanh Trái Đất và phát tín hiệu có thông tin xuống Trái Đất?

- A. Các loại ngôi sao.
- C. Trạm hàng không.

- B. Vệ tinh nhân tạo.
- D. Vệ tinh tự nhiên.

Câu 11: Hiện tượng nào sau đây là hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất?

- A. Chuyển động biểu kiến năm của Mặt Trời.
- B. Sinh ra các mùa khác nhau trong năm.
- C. Ngày đêm dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ.
- D. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.

Câu 12: Theo qui ước, nếu đi từ phía Tây sang phía Đông qua đường chuyển ngày quốc tế phải

- A. lùi lại 1 giờ.
- C. lùi lại 1 ngày lịch.
- B. tăng thêm 1 giờ.
- D. tăng thêm 1 ngày lịch.

Câu 13: Để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, phương pháp kí hiệu đường chuyển động thường dùng

- A. Các biểu đồ.
- C. Các kí hiệu.
- B. Các mũi tên.
- D. Các điểm chấm.

Câu 14: Theo thứ tự từ trong ra ngoài, cấu trúc của Trái Đất gồm

- A. vỏ Trái Đất, nhân Trái Đất, lớp Manti.
- B. lớp Manti, vỏ Trái Đất, nhân Trái Đất.
- C. nhân Trái Đất, vỏ Trái Đất, thạch quyển.
- D. nhân Trái Đất, lớp Manti, vỏ Trái Đất.

Câu 15: Nhận định nào sau đây đúng về mảng kiến tạo?

- A. Là nơi tích tụ nguồn năng lượng bên trong.
- B. Chỉ hình thành các dạng địa hình đồi núi.
- C. Đứng yên trên lớp quán dèo của Man-ti.
- D. Dịch chuyển trên lớp quán dèo của Man-ti.

Câu 16: Vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất là

- A. khoáng vật và đá.
- C. đá mac-ma và biến chất.
- B. khoáng vật và đá trầm tích.
- D. đất và khoáng vật.

Câu 17: Vận động nào sau đây làm cho biển tiến và biển thoái?

- A. Lục địa nâng lên, hạ xuống.
- C. Các lớp đá cứng bị đứt gãy.
- B. Các lớp đá mềm bị uốn nếp.
- D. Động đất, núi lửa hoạt động.

Câu 18: Mùa nào có thời gian ban ngày dài nhất trong năm ở Bắc Bán cầu?

- A. Hạ.
- B. Đông.
- C. Thu.
- D. Xuân.

Câu 19: Phương pháp kí hiệu thường dùng để

- A. thể hiện các đối tượng có khả năng di chuyển.
- B. thể hiện các đối tượng phân bố phân tán, lẻ tẻ.
- C. thể hiện các đối tượng địa lí phân bố tập trung.
- D. thể hiện các đối tượng phân bố theo những điểm cụ thể.

Câu 20: Đá trầm tích gồm những loại đá nào sau đây ?

- A. Đá vôi.
- B. Đá gơnai.
- C. Đá hoa.
- D. Đá granit.

Câu 21: Dãy núi Himalaya được hình thành do hai mảng nào xô vào nhau?

- A. Mảng Ấn Độ - Ôxtrâyliya và mảng Thái Bình Dương.
- B. Mảng Thái Bình Dương và mảng Âu - Á.

C. Mảng Ấn Độ - Ôxtrâylia và mảng Âu - Á.

D. Mảng Phi và mảng Âu - Á.

II. Tự luận (3đ)

Câu 1: (2đ) Nêu sự khác nhau của nội lực và ngoại lực(về khái niệm, nguyên nhân, xu hướng chung).

Câu 2: (1đ) Ngày và giờ ở Matxcova là bao nhiêu khi Hà Nội là 6 giờ sáng ngày 20/10/2022. Biết rằng Matxcova thuộc múi giờ số 2.

----- HẾT -----

- C. dẫn đường, quản lý và điều hành di chuyển đối tượng địa lí.
- D. biểu hiện vị trí của đối tượng địa lí phân bố theo điểm cụ thể.

Câu 11: Hiện tượng nào sau đây là hệ quả chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất?

- A. Chuyển động các vật thể bị lệch hướng.
- B. Sinh ra các mùa khác nhau trong năm.
- C. Sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất.
- D. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.

Câu 12: Theo qui ước, nếu đi từ phía Đông sang phía Tây qua đường chuyển ngày quốc tế phải

- A. lùi lại 1 giờ.
- B. tăng thêm 1 giờ.
- C. lùi lại 1 ngày lịch.
- D. tăng thêm 1 ngày lịch.

Câu 13: Để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, phương pháp chấm điểm thường dùng

- A. các biểu đồ.
- B. các mũi tên.
- C. các kí hiệu.
- D. các điểm chấm.

Câu 14: Theo thứ tự từ ngoài vào trong, cấu trúc của Trái Đất gồm

- A. lớp Manti, nhân Trái Đất, vỏ Trái Đất.
- B. vỏ Trái Đất, lớp Manti, nhân Trái Đất.
- C. vỏ Trái Đất, thạch quyển, nhân Trái Đất.
- D. vỏ Trái Đất, nhân Trái Đất, lớp Manti.

Câu 15: Nhận định nào sau đây đúng về mảng kiến tạo?

- A. Là nơi tích tụ nguồn năng lượng bên trong.
- B. Chỉ hình thành các dạng địa hình đồi núi.
- C. Dịch chuyển trên lớp quán dèo của Man-ti.
- D. Đứng yên trên lớp quán dèo của Man-ti.

Câu 16: Đá macma gồm những loại đá nào sau đây ?

- A. Đá vôi.
- B. Đá gơnai.
- C. Đá phiến.
- D. Đá granit.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vận động nội lực theo phương nằm ngang?

- A. Tạo nên những nơi núi uốn nếp.
- B. Sinh ra những địa lũy, địa hào.
- C. Các lục địa nâng lên, hạ xuống.
- D. Có hiện tượng động đất, núi lửa.

Câu 18: Nơi nào sau đây trong năm luôn có thời gian ngày và đêm dài bằng nhau?

- A. Vòng cực.
- B. Xích đạo.
- C. Cực.
- D. Chí tuyến.

Câu 19: Phương pháp kí hiệu đường chuyển động thường dùng để

- A. thể hiện các đối tượng có khả năng di chuyển.
- B. thể hiện các đối tượng phân bố theo những điểm cụ thể.
- C. thể hiện giá trị tổng cộng của 1 đối tượng trên một đơn vị lãnh thổ.
- D. thể hiện các đối tượng phân bố phân tán, lẻ tẻ.

Câu 20: Loại đá nào sau đây **không** cấu tạo nên vỏ Trái Đất?

- A. Đá thạch anh.
- B. Đá mac-ma.
- C. Đá trầm tích.
- D. Đá biến chất.

Câu 21: Dãy núi trẻ An- đét được hình thành do các mảng nào dịch chuyển với nhau?

- A. Mảng Bắc Mỹ hút chòm dưới mảng Nam Mỹ.
- B. Mảng Thái Bình Dương hút chòm dưới mảng Nam Mỹ.
- C. Mảng Na- xca hút chòm dưới mảng Nam Mỹ.

D. Mảng Phi hút chờm dưới mảng Nam Mĩ.

II. Tự luận (3đ)

Câu 1: (2đ) Nêu sự khác nhau của nội lực và ngoại lực(về khái niệm, nguyên nhân, xu hướng chung).

Câu 2: (1đ) Ngày và giờ ở Matxcova là bao nhiêu khi Hà Nội là 6 giờ sáng ngày 20/10/2022. Biết rằng Matxcova thuộc múi giờ số 2.

----- HẾT -----

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

*** Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,33 điểm.**

101	1	A	102	1	A
101	2	C	102	2	B
101	3	A	102	3	D
101	4	B	102	4	A
101	5	D	102	5	C
101	6	C	102	6	C
101	7	B	102	7	A
101	8	B	102	8	B
101	9	C	102	9	B
101	10	B	102	10	D
101	11	D	102	11	B
101	12	C	102	12	D
101	13	B	102	13	D
101	14	D	102	14	B
101	15	D	102	15	C
101	16	A	102	16	D
101	17	A	102	17	C
101	18	A	102	18	B
101	19	D	102	19	A
101	20	A	102	20	A
101	21	C	102	21	C
103	1	B	104	1	A
103	2	C	104	2	C
103	3	C	104	3	C
103	4	D	104	4	D
103	5	C	104	5	C
103	6	C	104	6	A
103	7	B	104	7	D
103	8	B	104	8	B

103	9	D	104	9	C
103	10	D	104	10	A
103	11	A	104	11	B
103	12	B	104	12	D
103	13	D	104	13	A
103	14	D	104	14	B
103	15	A	104	15	D
103	16	B	104	16	D
103	17	A	104	17	B
103	18	C	104	18	B
103	19	A	104	19	A
103	20	A	104	20	C
103	21	D	104	21	B
105	1	C	106	1	C
105	2	D	106	2	A
105	3	D	106	3	C
105	4	C	106	4	C
105	5	B	106	5	C
105	6	B	106	6	A
105	7	D	106	7	B
105	8	A	106	8	A
105	9	B	106	9	D
105	10	C	106	10	D
105	11	B	106	11	B
105	12	C	106	12	D
105	13	A	106	13	A
105	14	A	106	14	A
105	15	D	106	15	D
105	16	A	106	16	B
105	17	C	106	17	B
105	18	B	106	18	B
105	19	D	106	19	B
105	20	A	106	20	C
105	21	B	106	21	D

107	1	C	108	1	B
107	2	D	108	2	D
107	3	D	108	3	B
107	4	C	108	4	C
107	5	D	108	5	B
107	6	D	108	6	B
107	7	A	108	7	A
107	8	C	108	8	C
107	9	B	108	9	A
107	10	A	108	10	C
107	11	A	108	11	B
107	12	A	108	12	A
107	13	C	108	13	D
107	14	D	108	14	B
107	15	D	108	15	A
107	16	A	108	16	C
107	17	B	108	17	A
107	18	B	108	18	D
107	19	C	108	19	D
107	20	B	108	20	C
107	21	B	108	21	D

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
---------	----------	------

Câu 1 (2 điểm)	Sự khác nhau của nội lực và ngoại lực		2,0	
		Nội lực		Ngoại lực
	Khái niệm	Lực sinh ra trong lòng Trái Đất, liên quan tới nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.		Lực diễn ra trên bề mặt Trái Đất như tác động của gió, mưa, nước chảy, sóng, băng, sinh vật, con người.
	Nguyên nhân	Sự phân hủy các chất phóng xạ, phản ứng hóa học toả nhiệt, sự tự quanh quanh trục, sắp xếp vật chất theo tỉ trọng...		Do nguồn năng lượng bức xạ Mặt Trời.
Xu hướng chung	Tạo ra sự gồ ghề, cao thấp, mấp mô của địa hình mặt đất. Dạng địa hình kích thước lớn như châu lục, dãy núi cao...	Là phá hủy, san bằng sự gồ ghề, mấp mô làm cho địa hình trở nên bằng phẳng hơn. Dạng địa hình rất đa dạng, phức tạp, thường có kích thước nhỏ		
<p>Học sinh trả lời đúng được mỗi tiêu chí được 0,33 điểm, thiếu trừ 0,33 điểm, sai không tính điểm.</p>				
Câu 2 (1 điểm)	Tính ngày và giờ 1h ngày 20/10/2022 HS trả lời đúng giờ hoặc ngày được 0,5 đ		1,0	

----- HẾT -----

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: ĐỊA LÍ 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			Thời gian (phút)
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL		
1	A. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ	A.1. Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ	2				1				3			1
		A.2. Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống			1						1			0,33
2	B. TRÁI ĐẤT	B.1. Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất	2		1		1				4			1,33
		B.2. Hệ quả các địa lí chuyển động của Trái Đất	2				1		1	3	1			2
3	C. THẠCH QUYỂN	C.1. Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng	2				2				4			1,33
		C.2. Nội lực và Ngoại lực	2			1	1			3	1			3
		C.3. Thực hành sự phân bố các vành đai động đất núi lửa			1						1			0,33
4	D. KHÍ QUYỂN	D.1. Khí quyển, các yếu tố khí hậu	2								2			0,7
Tổng			12		3	1	6		1	21	2		10	
Tỉ lệ %			40		30		20		10	70	30			
Tỉ lệ chung			70				30				100			

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: ĐỊA LÍ 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	A. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết và trình bày được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ (về đối tượng, hình thức, khả năng thể hiện của phương pháp kí hiệu, kí hiệu đường chuyển động, chấm điểm). <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ (phương pháp kí hiệu, kí hiệu đường chuyển động, chấm điểm) 	2TN	1TN	1TN	
2	B. TRÁI ĐẤT	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được đặc điểm của vỏ Trái Đất. - Biết được vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Biết được hệ quả địa lí của chuyển động tự quay quanh trục. - Biết được hệ quả địa lí do chuyển động quanh Mặt Trời. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được cấu tạo của Trái Đất <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được hệ quả địa lí do chuyển động quanh Mặt Trời. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính ngày giờ tại các địa điểm trên Trái Đất. 	4TN	1TN	2TN	1TL
3	C. THẠCH QUYÊN	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được khái niệm thạch quyển. - Biết được nội dung thuyết kiến tạo mảng. 	4TN	1TN +1TL	3TN	

TT	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		<ul style="list-style-type: none"> - Biết được tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được mối quan hệ giữa sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa với sự chuyển dịch các mảng kiến tạo. - So sánh nội lực, ngoại lực. Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích mối quan hệ giữa sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa với sự chuyển dịch các mảng kiến tạo. - Giải thích tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. 				
4	D. KHÍ QUYỂN	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Biết được khái niệm khí quyển. - Biết được các thành phần chính của khí quyển. - Biết được tên và giới hạn của các tầng khí quyển. 	2TN			
Tổng			12TN	3TN+ 1TL	6TN	1TL
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức			40	30	20	10
Tỉ lệ % chung			100			